

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-PT
Ngày 2-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tiến Dũng

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 2 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 1 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2018/QĐ-PT ngày 7 tháng 2 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: số 12 đường H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (có mặt).

Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Phùng Ngọc Q; địa chỉ: 206 đường P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 18 tháng 1 năm 2018 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ; địa chỉ: số 83 đường L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (ông H vắng mặt, bà Đ có mặt).

Ông Nguyễn Ngọc H ủy quyền cho bà Hà Thị Ngọc Đ tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 20-3-2018.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do quen biết với nhau, nên ngày 30-9-2014 (âm lịch) tức là ngày 23-10-2014, bà Nguyễn Thị L cho bà Hà Thị Ngọc Đ và chồng là ông Nguyễn Ngọc H vay số tiền 250.000.000 đồng. Khi vay tiền thì ông H và bà Đ có viết giấy mượn tiền cho bà L, hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1,5%/tháng và hẹn khi nào cần tiền báo trước thời gian sẽ trả cả gốc và lãi một lần. Tuy nhiên, đến nay mặc dù bà L đã đòi nhiều lần nhưng ông H, bà Đ cố tình trốn tránh, không có ý thức trả nợ cho bà như cam kết.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật, thời hạn tính lãi kể từ ngày viết giấy vay tiền (23-10-2014) cho đến nay.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng; bà Hà Thị Ngọc Đ có đến Tòa án làm việc nhưng không có bản khai hoặc văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cả ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ không đến tham gia phiên hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ đã từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 70, 72, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 232, Điều 234, Điều 273 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, 281, 290, 471, 472 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ trả nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 320.625.000 đồng; trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và nợ lãi là 70.625.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 4-1-2018, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà Hà Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị L có quan hệ làm ăn với nhau, vào khoảng năm 2012 bà có mượn của bà L 80.000.000 đồng với lãi suất là 15%/tháng. Do làm ăn khó khăn nên bà không trả được tiền gốc cho bà L mà chỉ trả lãi hàng tháng cho bà L. Bà trả lãi cho bà L được 15 tháng với số tiền lãi là 180.000.000 đồng. Bà và bà L làm ăn với nhau chỉ nói qua điện thoại chứ không có chứng cứ gì. Do công việc làm ăn khó khăn nên đến năm 2014 bà không đóng được tiền lãi cho bà L nên ngày 30-9-2014 (âm lịch), bà L gọi bà và chồng bà là ông Nguyễn Ngọc H xuống nhà để chốt sổ ghi lại giấy nợ mới. Vì từ tháng 1 đến tháng 9 bà không đóng tiền lãi cho bà L nên số tiền gốc và tiền lãi lên đến 250.000.000 đồng. Lúc này hai bên rất căng thẳng bà và ông H đang ở nhà bà L nên cảm thấy không an toàn. Vì vậy, bà và ông H buộc phải ghi giấy nhận nợ mới cho bà L.

Lúc đó bà nghĩ đây không phải là giấy ghi nợ lần đầu với số tiền 250.000.000 đồng nên bà đã ghi thêm chữ “sau” vào cuối giấy ghi nợ. Sau đó bà đã trả tiền cho bà L làm ba lần tổng cộng là 15.000.000 đồng. Khi trả bà không viết giấy biên nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hà Thị Ngọc Đ cho rằng năm 2012 bà vay của bà L 80.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng bà đã trả lãi cho bà L được 15 tháng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên từ đầu năm 2014 bà không trả lãi được cho bà L. Vì vậy, ngày 30-9-2014 âm lịch bà L gọi bà và chồng bà là ông Nguyễn Ngọc H xuống nhà cộng sổ và buộc bà, ông H viết giấy nợ mới là 250.000.000 đồng. Sau đó, bà đã trả cho bà L ba lần với số tiền là 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã trả cho bà L 15.000.000 đồng. Còn giấy mượn tiền do bà L giao nộp cho Tòa án cũng chỉ thể hiện vào ngày 30-9-2014 âm lịch bà Đ, ông H có mượn của bà L 250.000.000 đồng. Vì vậy, lời khai trên của bà Đ là không có căn cứ.

Bà Đ cho rằng số tiền 250.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 30-9-2014 (âm lịch) là do bà và ông H bị đe dọa, ép buộc ký chứ không có việc bà và ông H tự nguyện viết giấy mượn bà L 250.000.000 đồng. Thấy rằng, bà Đ, ông H là người có đủ năng lực hành vi dân sự, bà Đ không chứng minh được tại thời điểm viết giấy mượn tiền bà, ông H bị đe dọa, ép buộc hoặc không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. Vì vậy, lời khai của bà Đ không có cơ sở để chấp nhận.

Giao dịch vay tài sản giữa người cho vay là bà L với người vay là ông H, bà Đ là có thật. Đây là giao dịch dân sự phù hợp với các quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H, bà Đ có nghĩa vụ trả 250.000.000 đồng cho bà L là có cơ sở.

[2] Nguyên đơn khai khi ông H, bà Đ viết giấy mượn tiền, hai bên có thỏa thuận bằng miệng với lãi suất là 1,5%/ tháng và hẹn khi nào cần tiền báo trước

một thời gian thì ông H , bà Đ sẽ trả. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ khai trong quá trình bà mượn tiền của bà L thì bà L tính lãi lên đến 15%/ tháng. Sau khi, viết giấy mượn tiền ngày 30-10-2014 âm lịch thì bà L tiếp tục tính lãi là 15%/ tháng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn nhưng có tính lãi.

Vì hai bên khai mâu thuẫn về mức lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng để tính nợ lãi là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Hà Thị Ngọc Đ, ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Hà Thị Ngọc Đ, ông Nguyễn Ngọc H , giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ trả nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 320.625.000 đồng; trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và nợ lãi là 70.625.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ phải chịu 16.031.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn Trả lại cho bà Nguyễn Thị L 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên

lai thu tiền số 0003337 ngày 21 -6-2017 và 3.094.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003341 ngày 22-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H , bà Hà Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003133 ngày 9 tháng 1 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Nguyễn Ngọc H , bà Hà Thị Ngọc Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình